

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/01/2025  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định.

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 631/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Long V**, sinh năm 1976;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Long V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/11/2004. Sau khi kết hôn chị và anh V về chung sống cùng với nhau tại gia đình anh V khoảng 6 tháng thì vợ chồng chuyển ra ở riêng tại thôn K, xã C, huyện C Vợ chồng chung sống cùng nhau hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V đi lao động tại Hàn Quốc vào năm 2016, khi anh V đi không bàn bạc với chị về việc đi lao động ở nước ngoài. Vợ chồng anh chị rất ít chia sẻ với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng chám dứt liên lạc từ lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Long V.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 25/8/2005 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 03/11/2013. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D. Chị đề nghị anh V cấp dưỡng cho con số tiền là 1.500.000đ/tháng.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ anh Nguyễn Long V) thể hiện: Hiện nay anh V đang sinh sống tại Hàn Quốc và vẫn liên lạc hỏi thăm gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh V biết, anh V không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh V có quan điểm đồng ý ly hôn với chị T và về con chung anh V đồng ý để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 03/11/2013.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Anh V và chị T kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh V và chị T do hoàn cảnh gia đình nên anh V phải đi lao động xa, mỗi người ở một nơi dẫn đến không chia sẻ được với nhau về công việc, tình cảm. Nay chị T có đơn ly hôn anh V, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của anh V và chị T, cháu Nguyễn Tiến D có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Tại phiên tòa:* Chị Thanh vắng M và đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh V vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56,

81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh ly H anh Nguyễn Long V; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 03/11/2013. Anh Nguyễn Long V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh V phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị T2 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Long V hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên chị T2 đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Long V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/11/2004. Sau khi kết hôn chị và anh V sinh sống với nhau được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V đi lao động tại Hàn Quốc vào năm 2016, khi anh V đi không bàn bạc với chị về việc đi lao động nên vợ chồng anh chị rất ít chia sẻ với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh bởi lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T, anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 25/8/2005 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 03/11/2013. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến D. Chấp

nhận yêu cầu của chị T, buộc anh Nguyễn Long V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Như vậy là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh V phải cấp dưỡng cho con nên phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Thanh ly H** với anh **Nguyễn Long V**.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiên D, sinh ngày 03/11/2013.

Anh Nguyễn Long V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Long V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng cho con, nếu anh Nguyễn Long V chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005342 ngày 22/11/2024.

Anh Nguyễn Long V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí

cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Long V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**